

# Bộ phát chân không VN-10-L-T3-PI4-VI4-RI4

Số bộ phận: 193583

FESTO



## Bảng dữ liệu

| Đặc tính                                            | Giá trị                                       |
|-----------------------------------------------------|-----------------------------------------------|
| Chiều rộng định mức vòi phun laval                  | 0.95 mm                                       |
| Kích thước lưới                                     | 14 mm                                         |
| Vị trí lắp đặt                                      | bất kì                                        |
| Đặc điểm của bơm phun                               | lưu lượng theo thể tích hút cao<br>Tiêu chuẩn |
| Cấu trúc xây dựng                                   | Dạng T                                        |
| Áp suất hoạt động cho lưu lượng thể tích hút tối đa | 4 bar                                         |
| Áp suất vận hành                                    | 1 bar...8 bar                                 |
| Áp suất vận hành định mức                           | 6 bar                                         |
| Dòng thể tích hút tối đa so với không khí           | 62.7 l/ph                                     |
| Thời gian thông gió ở áp suất vận hành định mức     | 0.46 s                                        |
| Môi chất vận hành                                   | Khí nén theo ISO 8573-1:2010 [7:4:4]          |
| Lưu ý về môi chất vận hành/điều khiển               | Không thể hoạt động bằng dầu                  |
| Lớp chống ăn mòn KBK                                | 1 - ứng suất ăn mòn thấp                      |
| Tuân thủ LABS                                       | VDMA24364-B1/B2-L                             |
| Nhiệt độ trung bình                                 | 0 °C...60 °C                                  |
| Nhiệt độ môi trường xung quanh                      | 0 °C...60 °C                                  |
| Mô-men xoắn siết tối đa                             | 0.5 N m                                       |
| trọng lượng sản phẩm                                | 22 g                                          |
| Kiểu gắn                                            | với lỗ xuyên<br>với phụ kiện                  |
| Cổng nối khí nén 1                                  | G1/8                                          |
| Cổng nối khí nén 3                                  | G1/8                                          |
| Giác hút chân không                                 | G1/8                                          |
| Vật liệu ren cổng nối                               | Hợp kim nhôm rèn, anốt hóa                    |
| Ghi chú vật liệu                                    | Tuân thủ RoHS                                 |
| Vật liệu của phốt                                   | NBR                                           |
| Vật liệu vòi thu gom                                | POM                                           |
| Vật liệu vỏ                                         | POM gia cố                                    |
| Vật liệu vòi phun                                   | Hợp kim nhôm rèn                              |